

Số: /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử
hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

Căn cứ Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 (sau đây gọi tắt là Chiến lược), với những nội dung sau:

I. QUAN ĐIỂM

1. Phát triển chính phủ số có toàn bộ hoạt động an toàn trên môi trường số, có mô hình hoạt động được thiết kế và vận hành dựa trên dữ liệu và công nghệ số, để có khả năng cung cấp dịch vụ chất lượng hơn, đưa ra quyết định kịp thời hơn, ban hành chính sách tốt hơn, sử dụng nguồn lực tối ưu hơn, kiến tạo phát triển, dẫn dắt chuyển đổi số, giải quyết hiệu quả những vấn đề lớn trong phát triển và quản lý kinh tế - xã hội.

2. Tiên phong phát triển chính phủ số một cách tổng thể, toàn diện, tập trung nguồn lực, huy động sự tham gia của cả hệ thống chính trị, có giải pháp, cách làm đột phá, mang tính khác biệt, để cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu phát triển chính phủ điện tử vào năm 2021 và hình thành Chính phủ số vào năm 2025.

3. Định hướng mở để người dân, doanh nghiệp và tổ chức khác tham gia một cách phù hợp vào hoạt động của cơ quan nhà nước, tương tác với cơ quan nhà nước để cùng tăng cường minh bạch, nâng cao chất lượng dịch vụ, cùng giải quyết vấn đề và cùng tạo ra giá trị cho xã hội.

4. Dữ liệu là tài nguyên mới. Cơ quan nhà nước mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.

5. Nền tảng là giải pháp đột phá. Kết hợp mô hình tập trung và phân tán, tuân thủ Khung Kiến trúc quốc gia và Kiến trúc của các bộ, ngành, địa phương. Phát triển các nền tảng theo hướng cung cấp dịch vụ đồng bộ, thông suốt các cấp hành chính để có thể sử dụng tại mọi nơi. Các nền tảng, ứng dụng và dịch vụ quy mô quốc gia phải được làm trước, làm tốt, làm tập trung.

6. Thị trường trong nước nuôi dưỡng, phát triển sản phẩm công nghệ số Make in Việt Nam, từ đó vươn ra khu vực và thế giới. Chính phủ chủ động điều phối, quy hoạch, triển khai các hoạt động mang tính định hướng, kiến tạo thị trường nhằm mục tiêu kép vừa phát triển Chính phủ số, vừa phát triển doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam. Doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam làm chủ, phát triển các công nghệ lõi, nền tảng mở phục vụ Chính phủ số, hình thành hệ sinh thái ứng dụng, dịch vụ Make in Việt Nam.

II. TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030

Việt Nam có chỉ số phát triển chính phủ điện tử, chính phủ số ở mức độ cao trên thế giới, thuộc nhóm 30 nước dẫn đầu theo xếp hạng của Liên Hiệp Quốc.

Chính phủ số chuyển đổi cách thức phục vụ người dân, doanh nghiệp và người dân, doanh nghiệp tham gia nhiều hơn vào hoạt động của cơ quan nhà nước để cùng tạo ra giá trị, lợi ích, sự hài lòng, niềm tin và đồng thuận xã hội.

Chính phủ số chuyển đổi cách thức tổ chức, vận hành, môi trường làm việc và công cụ làm việc để cán bộ, công chức, viên chức có thể thực hiện tốt nhất nhiệm vụ của mình.

III. MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2025

1. Cung cấp dịch vụ chất lượng phục vụ xã hội

Cơ quan nhà nước cắt giảm, tái cấu trúc, đơn giản hóa, chuẩn hóa, thống nhất trên phạm vi toàn quốc các thủ tục hành chính phục vụ xã hội.

Cơ quan nhà nước cung cấp dịch vụ mới một cách chủ động, kịp thời đáp ứng nhu cầu của xã hội.

Người dân, doanh nghiệp có thể sử dụng dịch vụ số theo nhu cầu cá thể hóa, theo suốt cuộc đời, khi cần, theo cách thuận tiện, trực tuyến hoặc trực tiếp, dễ dàng, đơn giản, nhanh chóng, không giấy tờ, không cần sự hiện diện nếu pháp luật không yêu cầu.

Một số chỉ tiêu cơ bản bao gồm:

a) 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.

b) 100% dịch vụ công trực tuyến được thiết kế, thiết kế lại nhằm tối ưu hóa trải nghiệm người dùng, khi sử dụng được điền sẵn dữ liệu mà người dùng đã cung cấp trước đó theo thỏa thuận, phù hợp với tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ.

c) 100% người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất trên tất cả các hệ thống của các cấp chính quyền từ trung ương đến địa phương.

d) Tối thiểu 80% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý hoàn toàn trực tuyến.

đ) Tối thiểu 90% người dân, doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính.

e) Tối thiểu 20% thủ tục hành chính của các cơ quan nhà nước được cắt giảm.

2. Huy động rộng rãi sự tham gia của xã hội

Người dân, doanh nghiệp và các tổ chức khác có thể dễ dàng tham gia ý kiến đóng góp cho hoạt động của cơ quan nhà nước, phản ánh những vấn đề của xã hội xung quanh mình tới cơ quan nhà nước và nhận được ý kiến phản hồi về sự tham gia, kết quả tham gia của mình.

Doanh nghiệp có thể tham gia cung cấp dịch vụ công hoặc phát triển những dịch vụ mới, sáng tạo, giúp xã hội có thể dễ dàng tiếp cận và sử dụng dịch vụ công của cơ quan nhà nước.

Nhà nước, người dân, doanh nghiệp và các tổ chức khác cùng tham gia phổ cập việc sử dụng dịch vụ công nói riêng, chuyên đổi số nói chung.

Một số chỉ tiêu cơ bản bao gồm:

a) 100% cơ quan nhà nước cấp bộ, tỉnh tham gia mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.

b) Tối thiểu 50% dịch vụ công mới của cơ quan nhà nước có sự tham gia cung cấp của doanh nghiệp hoặc tổ chức ngoài nhà nước.

c) 100% công dịch vụ công cấp bộ, cấp tỉnh hỗ trợ người dân, doanh nghiệp khả năng tương tác thuận tiện, trực tuyến với cơ quan nhà nước trong các hoạt động quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ dựa trên các nền tảng công nghệ số.

3. Vận hành tối ưu các hoạt động của cơ quan nhà nước

Cơ quan nhà nước thiết kế mô hình tổ chức, cách thức vận hành dựa trên dữ liệu và công nghệ số, tạo ra môi trường làm việc và công cụ làm việc để cán bộ, công chức, viên chức có thể thực hiện tốt nhất nhiệm vụ của mình, kết nối và hợp tác với nhau dễ dàng hơn, đưa ra quyết định kịp thời hơn, ban hành chính sách tốt hơn, sử dụng nguồn lực tối ưu hơn.

Cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu và công nghệ số, có năng lực kiến tạo phát triển, dẫn dắt chuyển đổi số trong từng ngành, lĩnh vực, địa phương.

Một số chỉ tiêu cơ bản bao gồm:

a) 100% cơ quan nhà nước cung cấp dịch vụ 24/7, sẵn sàng phục vụ trực tuyến bất cứ khi nào người dân và doanh nghiệp cần.

b) 100% hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của cơ quan nhà nước được thực hiện trên nền tảng quản trị tổng thể, thống nhất.

c) 100% văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước được thực hiện dưới dạng điện tử, được ký số bởi chữ ký số chuyên dùng, trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật.

d) 100% công tác báo cáo được thực hiện trên hệ thống thông tin báo cáo quốc gia.

đ) 100% cơ quan nhà nước cấp bộ, tỉnh có nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp tập trung, có ứng dụng trí tuệ nhân tạo để tối ưu hóa hoạt động.

e) Tối thiểu 50% hoạt động giám sát, kiểm tra của cơ quan quản lý được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

g) Tối thiểu 70% nội dung chương trình đào tạo, thi tuyển, thi nâng ngạch quản lý nhà nước ngạch chuyên viên, chuyên viên chính, chuyên viên cao cấp hoặc tương đương được thực hiện trực tuyến.

h) 100% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản.

i) 50% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu và công nghệ số.

4. Giải quyết hiệu quả các vấn đề lớn trong phát triển kinh tế - xã hội

Cơ quan nhà nước có khả năng giải quyết hiệu quả các vấn đề lớn trong phát triển kinh tế - xã hội trên tất cả các lĩnh vực.

Một số vấn đề cơ bản bao gồm:

a) Mỗi người dân có danh tính số, có điện thoại thông minh. Mỗi hộ gia đình có địa chỉ số, có khả năng truy cập Internet cáp quang băng rộng.

b) Mỗi người dân đều được sống trong môi trường bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội và có quyền riêng tư cá nhân trong môi trường số được bảo vệ theo quy định của pháp luật.

c) Mỗi người dân đều có hồ sơ số về sức khỏe cá nhân. Mỗi trạm y tế xã đều triển khai hoạt động quản lý trạm y tế xã trên môi trường số. Mỗi cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đều triển khai tư vấn khám, chữa bệnh từ xa. Triển khai hồ sơ

bệnh án điện tử, thanh toán viện phí không dùng tiền mặt, đơn thuốc điện tử. Công khai giá thuốc, giá trang thiết bị y tế, giá khám chữa bệnh.

d) Mỗi học sinh, sinh viên đều có hồ sơ số về việc học tập cá nhân. Mỗi cơ sở đào tạo đều triển khai hoạt động quản lý dạy và học trên môi trường số. Triển khai thanh toán học phí không dùng tiền mặt, học liệu số. Triển khai đại học số là quốc gia số thu nhỏ, thay đổi mô hình dạy và học để tối ưu hóa vận hành các cơ sở đào tạo đại học, tối ưu hóa trải nghiệm học tập của sinh viên và khuyến khích các mô hình đào tạo mới.

đ) Mỗi người nông dân đều có khả năng truy cập, khai thác, sử dụng hiệu quả nền tảng dữ liệu số về nông nghiệp, nền tảng truy xuất nguồn gốc, giảm sự phụ thuộc vào các khâu trung gian từ sản xuất, phân phối đến người tiêu dùng.

e) Mỗi người dân ở độ tuổi lao động đều có khả năng tiếp cận cơ hội việc làm. Mỗi người dân đều có khả năng tiếp cận các khóa học kỹ năng trực tuyến MOOC (Massive Open Online Course) được cá nhân hóa cho đối tượng người học và mở rộng ra toàn xã hội, bao gồm cả những khóa học cơ bản, góp phần nâng cao kỹ năng số của xã hội, xóa mù công nghệ số cho vùng sâu, vùng xa.

g) Mỗi tuyến giao thông đường bộ cao tốc đều được triển khai lắp đặt hệ thống quản lý, điều hành giao thông thông minh. Triển khai thu phí điện tử không dùng tiền mặt. Mỗi phương tiện ô tô sử dụng tài khoản thu phí điện tử để thanh toán đa mục đích cho các dịch vụ giao thông đường bộ. Giảm chi phí dịch vụ giao nhận - kho vận và xây dựng được chuỗi cung ứng giao nhận - kho vận làm chủ bởi doanh nghiệp Việt Nam.

h) Mỗi người nhập cảnh, xuất cảnh đều có thể dễ dàng, giảm thiểu thời gian, nhanh chóng thực hiện các thủ tục cần thiết nhờ sự trợ giúp hiệu quả của các quy trình đã được tự động hóa, ngang bằng với những nước tốt nhất trong khu vực.

i) Mỗi hàng hóa xuất nhập khẩu, phương tiện xuất nhập cảnh được quản lý từ khâu đầu đến khâu cuối sử dụng nền tảng công nghệ số, giảm thiểu thời gian, nhanh chóng thực hiện thủ tục hải quan, ngang bằng với những nước tốt nhất trong khu vực.

k) Mỗi hộ kinh doanh cá thể, doanh nghiệp nhỏ và vừa đều có thể dễ dàng trải nghiệm sử dụng các nền tảng công nghệ số phục vụ sản xuất, kinh doanh.

l) Mỗi cá nhân, hộ kinh doanh cá thể, doanh nghiệp có thể dễ dàng gửi nhận hóa đơn điện tử với nhau và với cơ quan thuế sử dụng nền tảng công nghệ số.

5. Thay đổi đột phá xếp hạng quốc gia

Xếp hạng quốc gia của Việt Nam về phát triển chính phủ điện tử, chính phủ số theo đánh giá của Liên Hợp Quốc có sự thay đổi đột phá.

Một số chỉ tiêu cơ bản bao gồm:

- a) Việt Nam thuộc nhóm 50 nước dẫn đầu về chỉ số tổng thể.
- b) Việt Nam thuộc nhóm 50 nước dẫn đầu về chỉ số tham gia điện tử.
- c) Việt Nam thuộc nhóm 50 nước dẫn đầu về chỉ số dữ liệu mở.

IV. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM QUỐC GIA

1. Hoàn thiện môi trường pháp lý

a) Nghiên cứu, đề xuất sửa đổi Luật Giao dịch điện tử và các văn bản hướng dẫn nhằm giải quyết những khó khăn, vướng mắc ở mức luật, tạo điều kiện phát triển Chính phủ số giai đoạn mới.

b) Nghiên cứu, đề xuất sửa đổi Luật Lưu trữ để có quy định về lưu trữ điện tử, tạo điều kiện pháp lý cho việc thực hiện chuyển đổi số hoàn toàn trong hoạt động và quy trình làm việc của các cơ quan, tổ chức nhà nước.

c) Sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước để có các quy định phù hợp, cung cấp các dịch vụ số đa dạng, thuận tiện hơn, tăng cường sự tương tác với người dân và doanh nghiệp, chất lượng dịch vụ được đánh giá dựa trên mức độ hài lòng của người dùng.

d) Ban hành Nghị định về định danh và xác thực điện tử và hoàn thiện hành lang pháp lý để phổ cập danh tính số.

đ) Bảo đảm môi trường pháp lý cho phép thí điểm dùng tài khoản viễn thông thanh toán cho các hàng hóa, dịch vụ có giá trị nhỏ (Mobile-Money) và đánh giá để sớm đưa vào hoạt động chính thức.

e) Bảo đảm môi trường pháp lý cho phép thử nghiệm, chấp nhận cái mới và chấp nhận thay đổi. Hình thành không gian thí điểm dịch vụ số và xây dựng khung pháp lý cho phép thử nghiệm các dịch vụ số chưa được quy định bởi pháp luật. Không gian thí điểm dịch vụ số là không gian số cho phép mọi sản phẩm, dịch vụ số sáng tạo, chưa được quy định bởi các văn bản quy phạm pháp luật có thể triển khai thí điểm với điều kiện được giám sát chặt chẽ bằng công nghệ về phạm vi, quy mô và mô hình hoạt động. Khi đạt đến quy mô nhất định, tổ chức đánh giá để xây dựng hành lang pháp lý cần thiết.

g) Xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn, hướng dẫn kỹ thuật về Chính phủ số theo kịp sự phát triển của công nghệ, bảo đảm sự phát triển đồng bộ các mô hình Chính phủ số, bảo đảm an toàn, an ninh mạng, kết nối liên thông, chia sẻ hạ tầng kỹ thuật, dữ liệu giữa các hệ thống thông tin.

h) Duy trì, cập nhật Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, Kiến trúc chính phủ điện tử, chính quyền điện tử của các bộ, ngành, địa phương phù hợp với yêu cầu của Chính phủ số, chính quyền số nhằm triển khai Chính phủ số đồng

bộ trên quy mô toàn quốc, bảo đảm kết nối, liên thông, tránh đầu tư trùng lặp.

2. Phát triển hạ tầng số

a) Hạ tầng mạng

- Phát triển và vận hành hạ tầng mạng chuyên dùng ổn định, an toàn, thông suốt, kết nối 4 cấp hành chính từ Trung ương đến cấp xã trên cơ sở Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước, mạng diện rộng của các bộ, ngành, địa phương, mạng Internet băng rộng để phục vụ Chính phủ số;

- Triển khai các hệ thống kỹ thuật bảo đảm năng lực, an toàn thông tin cho Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước làm hạ tầng truyền dẫn căn bản trong kết nối các hệ thống thông tin, liên thông, chia sẻ dữ liệu phục vụ Chính phủ số.

b) Nền tảng điện toán đám mây Chính phủ

- Hệ sinh thái đám mây phục vụ Chính phủ số gồm Nền tảng điện toán đám mây Chính phủ (CGC), đám mây của các cơ quan nhà nước tại các bộ, ngành, địa phương (AGC) và đám mây của các doanh nghiệp đáp ứng được yêu cầu nghiệp vụ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật phục vụ Chính phủ số (EGC);

- Xây dựng Nền tảng điện toán đám mây Chính phủ (CGC) thống nhất trên cơ sở quy hoạch, kết nối đám mây của các cơ quan nhà nước tại các bộ, ngành, địa phương (AGC) nhằm tạo môi trường để lưu trữ, chia sẻ tài nguyên, phát triển dịch vụ dùng chung cho Chính phủ số trên quy mô toàn quốc được linh hoạt, hiệu quả, nhanh chóng; kết nối, khai thác hiệu quả các hệ thống đám mây của doanh nghiệp (EGC) để cung cấp hạ tầng điện toán đám mây cho Chính phủ số.

3. Phát triển các nền tảng số và hệ thống quy mô quốc gia

a) Phát triển Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) để kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương trên quy mô toàn quốc thông qua việc kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương (LGSP).

b) Phát triển Nền tảng trao đổi định danh và xác thực điện tử quốc gia (NIXA) hướng tới xây dựng mô hình liên hiệp định danh, tận dụng tối đa các hình thức xác thực điện tử hiện có để tiết kiệm thời gian, chi phí triển khai.

c) Xây dựng Nền tảng phát triển kỹ năng số quốc gia tạo điều kiện cho việc trao đổi tài nguyên học tập, tổ chức các khóa bồi dưỡng kỹ năng số trực tuyến trên quy mô quốc gia.

d) Phát triển Nền tảng ứng dụng trên thiết bị di động cho mọi dịch vụ Chính phủ điện tử, Chính phủ số, dịch vụ, tiện ích trong kinh tế số, xã hội số cho người dân và doanh nghiệp có thể sử dụng mọi lúc, mọi nơi, phù hợp với định hướng 100% người dân có điện thoại thông minh, kết nối với Nền tảng trao đổi định danh và xác thực điện tử quốc gia.

đ) Phát triển Nền tảng ứng dụng trên thiết bị di động cho phép người dân và doanh nghiệp có thể định danh trên không gian số và sử dụng mọi dịch vụ Chính phủ điện tử, Chính phủ số, các dịch vụ, tiện ích trong kinh tế số, xã hội số mọi lúc, mọi nơi.

e) Xây dựng Hệ thống quản lý chất lượng các nền tảng, sản phẩm, giải pháp phục vụ Chính phủ số.

g) Xây dựng Hệ thống giám sát, đo lường mức độ cung cấp và sử dụng dịch vụ Chính phủ số.

h) Xây dựng Hệ thống giám sát các nền tảng số phục vụ công tác quản lý nhà nước chuyên ngành.

i) Xây dựng Công nghệ mở (GovTech) của Việt Nam để cung cấp công khai, minh bạch thông tin về các giải pháp, nền tảng công nghệ mở mà cơ quan nhà nước đang sử dụng hoặc doanh nghiệp Việt Nam phát triển; đồng thời tham gia tích cực vào công tác xây dựng các chuẩn mở và cộng đồng nguồn mở quốc tế.

k) Phát triển các nền tảng để cung cấp dịch vụ thiết yếu, cơ bản trên quy mô quốc gia, các nền tảng thương mại điện tử, giao nhận - kho vận phục vụ phát triển kinh tế số, góp phần thực hiện mục tiêu xóa nghèo, các nền tảng phục vụ chuyển đổi số trong từng ngành, lĩnh vực ưu tiên chuyển đổi số theo Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 tại Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ và các đề án thành phần.

4. Phát triển dữ liệu số quốc gia

a) Phát triển dữ liệu số quốc gia tạo nền tảng cho triển khai Chính phủ số, bảo đảm cung cấp dữ liệu số cho các dịch vụ công trực tuyến, cung cấp các bộ dữ liệu mở có chất lượng và giá trị khai thác cao, mở dữ liệu theo quy định của pháp luật để phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.

b) Các cơ sở dữ liệu quốc gia phục vụ triển khai các dịch vụ cơ bản, thiết yếu liên quan đến người dân, doanh nghiệp, cơ quan nhà nước cần được phát triển trước. Xác định dữ liệu về dân cư, đất đai, doanh nghiệp là dữ liệu trụ cột, cốt lõi cần phải hoàn thành, đưa vào khai thác sớm để dẫn dắt, liên kết, thống nhất toàn bộ dữ liệu trong cơ quan nhà nước về các ngành, lĩnh vực.

c) Xây dựng dữ liệu có phạm vi toàn quốc trong các lĩnh vực quan trọng: hạ tầng không gian địa lý; bảo hiểm, y tế, an sinh xã hội; tài chính; căn cước; hộ tịch; giáo dục; đào tạo; cán bộ công chức, viên chức; nông nghiệp; việc làm; phương tiện giao thông.

5. Phát triển các ứng dụng, dịch vụ quốc gia

a) Phát triển, hoàn thiện Công Dịch vụ công quốc gia để người dân và doanh

nghiệp có thể truy cập đến các dịch vụ công trực tuyến của các bộ, ngành, địa phương qua một địa chỉ duy nhất trên mạng, tích hợp các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 của các bộ, ngành, địa phương theo lộ trình phù hợp theo Quyết định số 274/QĐ-TTg ngày 12/3/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Công dịch vụ công quốc gia.

b) Xây dựng Cổng dữ liệu quốc gia là đầu mối cung cấp dữ liệu mở của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng nhằm minh bạch, tăng cường chia sẻ dữ liệu, thúc đẩy sáng tạo, phát triển kinh tế số, xã hội số, bảo đảm an toàn thông tin của tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

c) Phát triển Hệ tri thức Việt số hóa tạo môi trường thuận lợi thu hút mọi cơ quan, tổ chức, người dân và doanh nghiệp tham gia tích cực đóng góp và khai thác các tài nguyên tri thức số.

d) Xây dựng Nền tảng hợp trực tuyến, Nền tảng hỗ trợ làm việc từ xa dựa trên Nền tảng điện toán đám mây Chính phủ đảm bảo kế thừa các hệ thống thông tin đã được xây dựng tại các bộ, ngành, địa phương.

đ) Phát triển Trục liên thông văn bản quốc gia kết nối với hệ thống quản lý văn bản và điều hành của các bộ, ngành, địa phương hướng tới hầu hết các văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước trên quy mô toàn quốc được thực hiện hoàn toàn qua môi trường mạng.

e) Phát triển, hoàn thiện Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ để thu thập, tích hợp, chia sẻ dữ liệu báo cáo của các cơ quan hành chính nhà nước để tổng hợp, phân tích dữ liệu nhằm phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

g) Xây dựng Hệ thống thông tin Ngân sách và Kế toán nhà nước số dựa trên công nghệ hiện đại, có khả năng cung cấp thông tin, báo cáo đa chiều và mở rộng khả năng truy cập tới người dân, doanh nghiệp và các cơ quan, đơn vị nhằm nâng cao tính công khai, minh bạch và phục vụ hữu hiệu cho công tác quản lý, điều hành tài chính - ngân sách nhà nước.

h) Nâng cấp Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, kết nối chia sẻ dữ liệu với Hệ thống thông tin Ngân sách và Kế toán nhà nước số để thực hiện đấu thầu, mua sắm tài sản công qua mạng, quản lý thống nhất thông tin, cơ sở dữ liệu về đấu thầu trên phạm vi cả nước và nâng cao hiệu quả quản lý chi ngân sách nhà nước.

i) Phát triển ứng dụng, dịch vụ quy mô quốc gia khác để triển khai Chính phủ số và dẫn dắt chuyển đổi số trong từng ngành, lĩnh vực ưu tiên chuyển đổi số theo Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 tại Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ và các đề án thành phần.

6. Bảo đảm an toàn, an ninh mạng quốc gia

a) Xây dựng hệ thống hỗ trợ giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng phục

vụ Chính phủ điện tử.

b) Xây dựng hệ thống thao trường mạng phục vụ huấn luyện, diễn tập, sát hạch an toàn thông tin phục vụ Chính phủ điện tử.

c) Xây dựng hệ thống đánh giá, kiểm định an toàn thông tin.

d) Xây dựng hệ thống phân tích, xử lý dữ liệu lớn phục vụ nhiệm vụ bảo đảm an toàn thông tin mạng quốc gia.

đ) Xây dựng hệ thống hỗ trợ điều phối, ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng.

V. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CỦA BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

Trong phạm vi ngành, lĩnh vực, địa bàn quản lý, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

1. Hoàn thiện quy chế, quy định của bộ, ngành, địa phương

a) Rà soát, cập nhật, sửa đổi, bổ sung, xây dựng các kiến trúc, quy chế, quy định nội bộ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành, địa phương về xây dựng, phát triển, quản lý, vận hành, khai thác các hệ thống thông tin phục vụ Chính phủ số và Chính quyền số các cấp phù hợp với định hướng Chiến lược này.

b) Rà soát, cập nhật, sửa đổi, bổ sung hoặc đề xuất sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình phù hợp với định hướng Chiến lược này.

2. Phát triển hạ tầng số của bộ, ngành, địa phương

a) Phát triển hạ tầng mạng đáp ứng nhu cầu triển khai Chính phủ số tại bộ, ngành, địa phương theo hướng ưu tiên thuê dịch vụ, kết nối và sử dụng hiệu quả Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước.

b) Triển khai Trung tâm dữ liệu phục vụ Chính phủ số tại bộ, ngành, địa phương theo hướng sử dụng công nghệ điện toán đám mây, ưu tiên hình thức thuê dịch vụ chuyên nghiệp và thực hiện kết nối với Nền tảng điện toán đám mây Chính phủ theo mô hình do Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn.

c) Phát triển hạ tầng Internet vạn vật (IoT) phục vụ các ứng dụng nghiệp vụ, chuyên ngành trong triển khai Chính phủ số gắn kết với phát triển đô thị thông minh tại các bộ, ngành, địa phương, ưu tiên hình thức thuê dịch vụ chuyên nghiệp, bảo đảm triển khai hiệu quả, tránh chồng chéo, tận dụng, kết hợp tối đa với hạ tầng của các tổ chức, cá nhân đã đầu tư.

3. Phát triển nền tảng, hệ thống của bộ, ngành, địa phương

a) Phát triển Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp bộ/tỉnh (LGSP) kết nối các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu trong nội bộ bộ, ngành, địa phương và kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) theo Khung Kiến trúc

quốc gia (Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam phiên bản 2.0 và phiên bản cập nhật) để trao đổi, chia sẻ dữ liệu với các cơ quan bên ngoài.

b) Phát triển Hệ thống Trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC) cho các hệ thống thông tin của bộ, ngành, địa phương và kết nối với Hệ thống hỗ trợ giám sát, điều hành an toàn mạng phục vụ Chính phủ số của quốc gia, Hệ thống an ninh mạng phục vụ Chính phủ số của quốc gia. Đối với các bộ, tỉnh, Hệ thống Trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng có thể là một bộ phận của Hệ thống Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh (IOC), tránh trùng lặp, lãng phí.

c) Phát triển các nền tảng, hệ thống sử dụng trong phạm vi bộ, ngành, địa phương để tiết kiệm thời gian, chi phí, tạo điều kiện kết nối, chia sẻ dữ liệu.

4. Phát triển dữ liệu của bộ, ngành, địa phương

a) Phát triển các cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ ứng dụng, dịch vụ Chính phủ số trong nội bộ của bộ, ngành, địa phương, bảo đảm không trùng lặp, cập nhật, kết nối, chia sẻ với các cơ sở dữ liệu quy mô quốc gia theo yêu cầu và thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP); thực hiện chia sẻ, tích hợp dữ liệu chuyên ngành của các bộ, ngành với các địa phương; mở dữ liệu của các cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật; hầu hết các dữ liệu gốc được lưu trữ dưới dạng máy có thể đọc được và chia sẻ dưới dạng dịch vụ giao diện lập trình ứng dụng (API).

b) Xây dựng kho dữ liệu của công dân khi thực hiện các giao dịch trực tuyến với các cơ quan nhà nước; giúp người dân quản lý, lưu trữ dữ liệu điện tử của mình, cung cấp chia sẻ với các cơ quan nhà nước, hạn chế việc sử dụng văn bản giấy và cung cấp lại thông tin cho các cơ quan nhà nước.

c) Xây dựng Nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp cấp bộ, cấp tỉnh nhằm lưu trữ tập trung, tổng hợp, phân tích, xử lý dữ liệu từ các nguồn khác nhau, từ đó tạo ra thông tin mới, dịch vụ dữ liệu mới phục vụ Chính phủ số, hướng tới việc hình thành kho dữ liệu dùng chung cấp bộ, ngành, địa phương.

5. Phát triển ứng dụng, dịch vụ số của bộ, ngành, địa phương

a) Phát triển Hệ thống tích hợp Cổng dịch vụ công, Hệ thống thông tin một cửa điện tử với các hệ thống xử lý nghiệp vụ chuyên ngành để cung cấp dịch vụ số, kết nối với Hệ thống giám sát, đo lường mức độ cung cấp và sử dụng dịch vụ Chính phủ số và các hệ thống quy mô quốc gia cần thiết khác; ứng dụng công nghệ số để cá nhân hóa giao diện, nâng cao trải nghiệm người dùng dịch vụ công, tiếp thu ý kiến người dân và doanh nghiệp khi xây dựng, sử dụng các dịch vụ công trực tuyến.

b) Phát triển các dịch vụ công trực tuyến dựa trên nhu cầu người dân và theo các sự kiện trong cuộc đời, người dân chỉ cung cấp thông tin một lần, tận dụng sức mạnh của công nghệ để phát triển các dịch vụ số mới, đồng thời tinh giản một số dịch vụ không cần thiết. Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ trí tuệ nhân tạo trong

cung cấp dịch vụ như trợ lý ảo, trả lời tự động. Triển khai các nội dung khuyến khích người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, trước hết xem xét để giảm chi phí và thời gian cho người dân khi thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến.

c) Triển khai các kênh tương tác trực tuyến để người dân tham gia, giám sát hoạt động xây dựng, thực thi chính sách, pháp luật, ra quyết định của cơ quan nhà nước.

d) Phát triển Hệ thống thông tin báo cáo; từng bước tự động hóa công tác báo cáo, thống kê phục vụ sự chỉ đạo, điều hành nhanh chóng, kịp thời, hỗ trợ ra quyết định dựa trên dữ liệu của cơ quan nhà nước các cấp và kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.

đ) Triển khai các hệ thống làm việc từ xa theo hướng thuê dịch vụ nhằm đa dạng hóa các hình thức làm việc phù hợp với các đối tượng, hoàn cảnh khác nhau, bảo đảm kế thừa, kết nối với các hệ thống thông tin của quốc gia, của bộ, ngành, địa phương đã được xây dựng.

e) Phát triển các dịch vụ đô thị thông minh phù hợp điều kiện, đặc thù, nhu cầu thực tế; ưu tiên phát triển trước các dịch vụ giải quyết các vấn đề bức thiết của xã hội tại các đô thị như tắc nghẽn giao thông, ô nhiễm môi trường, phát triển du lịch, phát triển y tế, phát triển giáo dục, quản lý trật tự xây dựng và phải bảo đảm hiệu quả, tránh hình thức, lãng phí. Gắn kết các dịch vụ đô thị thông minh với các dịch vụ chính quyền số. Triển khai đô thị thông minh tuân thủ Khung tham chiếu ICT, Kiến trúc ICT phát triển đô thị thông minh.

g) Phát triển các ứng dụng, dịch vụ chuyên ngành phục vụ nội bộ và kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin trong và ngoài bộ, ngành, địa phương theo nhu cầu.

h) Các bộ, ngành lựa chọn phát triển ứng dụng, dịch vụ quy mô quốc gia một cách phù hợp cho toàn ngành từ Trung ương đến địa phương để tiết kiệm chi phí, thời gian triển khai. Dữ liệu được hình thành từ các ứng dụng, dịch vụ dùng chung được chia sẻ khi có nhu cầu.

i) Ứng dụng mạnh mẽ, hiệu quả các công nghệ số mới như điện toán đám mây (Cloud Computing), dữ liệu lớn (Big Data), di động (Mobility), Internet vạn vật (IoT), trí tuệ nhân tạo (AI), chuỗi khối (Blockchain), mạng xã hội và các công nghệ số mới trong xây dựng, triển khai các ứng dụng, dịch vụ Chính phủ số tại bộ, ngành, địa phương để tiết kiệm thời gian, chi phí xây dựng, vận hành các hệ thống thông tin và tự động hoá, thông minh hoá, tối ưu hoá các quy trình xử lý công việc.

6. Bảo đảm an toàn, an ninh mạng của bộ, ngành, địa phương

a) Triển khai bảo đảm an toàn, an ninh mạng theo mô hình bốn lớp theo chiều sâu với việc kiện toàn lực lượng tại chỗ; thuê lực lượng giám sát, bảo vệ chuyên nghiệp; định kỳ kiểm tra, đánh giá; kết nối đến Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia.

b) Tham gia vào các chiến dịch bảo đảm an toàn, an ninh mạng do Bộ Thông tin và Truyền thông phát động.

c) Tham gia vào Mạng lưới ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng quốc gia do Bộ Thông tin và Truyền thông điều phối.

VI. GIẢI PHÁP

1. Tổ chức, bộ máy, mạng lưới

a) Phát huy sức mạnh của hệ thống chính trị và chính quyền bốn cấp để triển khai Chính phủ số, chuyển đổi số.

b) Kiện toàn tổ chức, bộ máy, thiết lập mạng lưới đơn vị chuyên trách và nhân sự hỗ trợ triển khai từ Trung ương đến địa phương với nòng cốt gồm các đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh các cấp và đại diện các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin tại mỗi địa phương.

2. Tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng số

a) Đưa nội dung phổ cập kỹ năng số và an toàn, an ninh mạng dựa trên các nền tảng mở, phần mềm nguồn mở vào chương trình giảng dạy từ cấp tiểu học để hình thành sớm các kỹ năng cần thiết cho công dân số.

b) Rà soát, cập nhật khung năng lực, chuẩn kỹ năng công nghệ thông tin tích hợp kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức nhà nước. Đưa nội dung đào tạo về kỹ năng số vào chương trình đào tạo quản lý nhà nước ngạch chuyên viên, chuyên viên chính, chuyên viên cao cấp hoặc tương đương. Tổ chức đào tạo, sát hạch, thi tuyển, thi nâng ngạch trực tuyển đảm bảo minh bạch, chất lượng.

c) Tổ chức bồi dưỡng, nâng cao nhận thức cho cán bộ lãnh đạo; cán bộ, công chức, viên chức cơ quan nhà nước các cấp về Chính phủ số, khung kiến trúc, kiến trúc chính phủ điện tử/chính phủ số và bảo đảm an toàn, an ninh mạng.

d) Tổ chức bồi dưỡng, huấn luyện đội ngũ chuyên gia về Chính phủ số tạo lực lượng nòng cốt, lan tỏa kiến thức, kỹ năng cho phát triển Chính phủ số tại các bộ, ngành, địa phương. Các chuyên gia về Chính phủ số trước hết phải nắm bắt được các xu thế công nghệ mới, các bài học kinh nghiệm, quy định pháp luật, mô hình, quy định kỹ thuật trong triển khai Chính phủ số. Xây dựng mạng lưới chuyên gia về Chính phủ số để chia sẻ tri thức, phối hợp giải quyết các vấn đề lớn.

đ) Tổ chức bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng số, kỹ năng phân tích và xử lý dữ liệu cho cán bộ, công chức, viên chức hàng năm để sẵn sàng chuyển đổi môi trường làm việc sang môi trường số.

3. Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức

a) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến nội dung, chính sách pháp luật để nâng cao nhận thức cho người dân và toàn xã hội về Chính phủ điện tử, Chính phủ số,

chuyển đổi số.

b) Tổ chức phổ cập kỹ năng số cho người dân, hướng dẫn người dân sử dụng các dịch vụ số của cơ quan nhà nước thông qua các hoạt động xã hội hóa.

c) Định kỳ hàng năm tổ chức tôn vinh dịch vụ công chất lượng nhất, dịch vụ công thu hút được sự tham gia rộng rãi nhất, cơ quan nhà nước vận hành tối ưu nhất, vấn đề phát triển kinh tế - xã hội đã giải quyết có kết quả đột phá nhất và cơ quan nhà nước phát triển chính phủ số tốt nhất.

4. Hợp tác giữa cơ quan nhà nước và doanh nghiệp

a) Doanh nghiệp công nghệ số nghiên cứu, đầu tư xây dựng các sản phẩm, dịch vụ phát triển Chính phủ số, trước hết là khuyến khích các cơ chế, chính sách về thuê dịch vụ, hợp tác theo phương thức đối tác công tư, sử dụng quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, tham gia các quỹ đầu tư, phát triển trung tâm đổi mới sáng tạo.

b) Nhà nước đóng vai trò quan trọng trong việc điều phối, quy hoạch, thúc đẩy phát triển hiệu quả thị trường cung cấp sản phẩm, dịch vụ Chính phủ số của các doanh nghiệp chủ chốt. Chính phủ triển khai một số hoạt động mang tính định hướng, kiến tạo thị trường bằng cách làm trước, cho phép trải nghiệm dùng thử hoặc cung cấp dịch vụ cơ bản.

c) Cơ quan nhà nước phối hợp doanh nghiệp để cung cấp dịch vụ công thông qua mạng lưới bưu chính công ích và ứng dụng của doanh nghiệp.

d) Khai thác hiệu quả mạng lưới bưu chính công ích để hỗ trợ người dân tiếp cận các dịch vụ Chính phủ số, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa, các đối tượng yếu thế trong xã hội.

5. Nghiên cứu, phát triển, làm chủ các công nghệ lõi

a) Thúc đẩy nghiên cứu, phát triển, ứng dụng nền tảng mở, mã nguồn mở phục vụ Chính phủ số.

b) Mở các nền tảng quốc gia hướng tới tạo thành hệ sinh thái để các doanh nghiệp công nghệ số có thể tham gia phát triển các dịch vụ kinh tế số, xã hội số.

c) Lựa chọn ưu tiên, đẩy mạnh phong trào nghiên cứu một số công nghệ cốt lõi mà Việt Nam có lợi thế, có khả năng tạo bứt phá mạnh mẽ như trí tuệ nhân tạo (AI), chuỗi khối (blockchain) và thực tế ảo/thực tế tăng cường (VR/AR), dữ liệu lớn (Big Data) tạo điều kiện sớm triển khai các công nghệ số tiên tiến trong Chính phủ số. Thực hiện cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các doanh nghiệp công nghệ số nghiên cứu, phát triển các ứng dụng công nghệ mới cho Chính phủ số.

d) Khuyến khích phát triển các doanh nghiệp công nghệ số để làm chủ các công nghệ cốt lõi trong Chính phủ số trước hết đó là các công nghệ điện toán đám mây, bảo mật, an toàn, an ninh mạng, nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu, các nền tảng cho phát triển các ứng dụng chuyên ngành.

đ) Nghiên cứu, xây dựng và thí điểm sử dụng tiền ảo dựa trên công nghệ chuỗi khối (blockchain).

e) Xây dựng các chương trình nghiên cứu, ứng dụng trí tuệ nhân tạo để tạo ra những sản phẩm, dịch vụ mang đặc thù Việt Nam, tạo lợi thế cạnh tranh, tạo nền tảng thúc đẩy Chuyển đổi số quốc gia. Các sản phẩm, dịch vụ này ưu tiên thí điểm ứng dụng trước trong các cơ quan nhà nước, từ đó đánh giá, hoàn thiện, hình thành ra các nền tảng để phục vụ kinh tế số, xã hội số.

g) Ban hành quy định về việc sử dụng sản phẩm, giải pháp đã được đánh giá, kiểm định trong triển khai Chính phủ số. Ưu tiên sử dụng các sản phẩm, giải pháp, công nghệ thiết kế, sản xuất bởi các tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam trong các hệ thống Chính phủ số.

6. Chuẩn hoá, tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ

a) Thực hiện gắn kết chặt chẽ giữa cải cách thủ tục hành chính với phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số.

b) Rà soát các thủ tục hành chính, quy trình nghiệp vụ trong các cơ quan nhà nước theo hướng đơn giản hoá hoặc thay đổi phù hợp để có thể ứng dụng hiệu quả công nghệ số.

c) Rà soát loại bỏ một số thủ tục hành chính, quy trình nghiệp vụ khi ứng dụng công nghệ số.

7. Hợp tác quốc tế

a) Chủ động hợp tác quốc tế trong phát triển Chính phủ số; chủ động, tích cực tham gia các tổ chức quốc tế, các sáng kiến về Chính phủ số và phát triển công nghệ số, kinh tế số, trong đó sẵn sàng phát huy vai trò đi đầu trong những lĩnh vực có thế mạnh; tham gia chủ động, tích cực vào việc xây dựng các khuôn khổ pháp lý, tiêu chuẩn, nguyên tắc quốc tế mới về công nghệ số phù hợp với mục tiêu và lợi ích của Việt Nam.

b) Hỗ trợ một số nước trong phát triển Chính phủ số nhằm tăng cường mối quan hệ hợp tác quốc tế, đồng thời quảng bá, tạo thị trường cho các sản phẩm, dịch vụ Chính phủ số của các doanh nghiệp Việt Nam.

8. Bảo đảm kinh phí

a) Ưu tiên sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và huy động các nguồn vốn khác theo quy định của pháp luật để phát triển Chính phủ số; tăng cường thực hiện giải pháp thuê dịch vụ công nghệ thông tin.

b) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng phương án bảo đảm kinh phí hàng năm tối thiểu 1% ngân sách nhà nước cho chuyển đổi số, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số; báo cáo, đề xuất Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thông qua.

c) Ưu tiên bố trí nguồn vốn đầu tư công để thực hiện các dự án phát triển hạ tầng, trung tâm dữ liệu, cơ sở dữ liệu quốc gia, nền tảng quốc gia, các ứng dụng, dịch vụ quốc gia sử dụng vốn đầu tư công do ngân sách trung ương đảm bảo.

9. Đo lường, giám sát, đánh giá triển khai

a) Thực hiện đo lường, giám sát tự động tới từng hệ thống, từng dịch vụ phục vụ Chính phủ số.

b) Giám sát, đánh giá, đo lường hiệu quả các dự án đầu tư được thực hiện dựa trên số liệu.

c) Định kỳ hàng tháng, hàng năm công bố kết quả đánh giá, làm cơ sở để theo dõi, đôn đốc, xếp hạng về Chính phủ điện tử, Chính phủ số; công khai trực tuyến các chỉ số chính trong phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số.

10. Cơ chế điều hành, tổ chức thực thi

a) Phát huy vai trò Ủy ban Quốc gia về Chính phủ điện tử, Ban Chỉ đạo xây dựng Chính phủ điện tử, Chính quyền điện tử của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong việc chỉ đạo phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số.

b) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trực tiếp chỉ đạo, chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về kết quả phát triển Chính phủ số, Chính quyền số tại bộ, ngành, địa phương mình.

c) Phát huy vai trò Bộ Thông tin và Truyền thông, đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong việc tổ chức, điều phối công tác phát triển Chính phủ số, chuyển đổi số các cấp.

d) Triển khai Chính phủ số theo hướng từng bước tập trung hoá, phát triển các ứng dụng, dịch vụ Chính phủ số dựa trên nền tảng điện toán đám mây, ưu tiên theo hướng thuê dịch vụ.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm:

a) Chủ trì tổ chức triển khai thực hiện Chiến lược; định kỳ hàng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ tình hình thực hiện Chiến lược;

b) Năm 2023 tổ chức sơ kết tình hình thực hiện Chiến lược, đề xuất xây dựng các mục tiêu, chỉ tiêu và bổ sung, sửa đổi các nhiệm vụ, giải pháp (nếu cần thiết) và tổng kết đánh giá kết quả triển khai thực hiện Chiến lược vào năm 2025.

2. Văn phòng Chính phủ có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ, Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương thực hiện chuẩn hóa, tái cấu trúc quy trình nghiệp

vụ, cải cách thủ tục hành chính.

b) Phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông trong việc tổ chức đơn đốc, kiểm tra, sơ kết, tổng kết tình hình thực hiện Chiến lược.

3. Bộ Nội vụ có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương thực hiện cải cách hành chính.

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung Bộ chỉ số cải cách hành chính theo hướng gắn kết chặt chẽ phát triển Chính phủ số với hoạt động cải cách hành chính, Chính phủ số trở thành công cụ đặc lực thúc đẩy cải cách hành chính nhà nước.

c) Chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương kiện toàn, nâng cấp bộ máy, nhân sự các Đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin tại các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thành Đơn vị chuyên trách về chuyển đổi số, đảm bảo đủ năng lực quản lý, phát triển Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số.

4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm: Chủ trì thực hiện giải pháp quy định tại khoản 8, mục VI Điều 1 Quyết định này đối với nguồn vốn đầu tư phát triển; chủ trì tổng hợp, bố trí vốn đầu tư phát triển hàng năm theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn liên quan để triển khai Chiến lược.

5. Bộ Tài chính có trách nhiệm: Chủ trì thực hiện giải pháp quy định tại khoản 8, mục VI Điều 1 Quyết định này đối với nguồn vốn thường xuyên; chủ trì tổng hợp, bố trí vốn chi thường xuyên hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn liên quan để triển khai Chiến lược.

6. Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Ban Cơ yếu Chính phủ có trách nhiệm bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng phục vụ Chính phủ điện tử, Chính phủ số theo chức năng, nhiệm vụ được giao, bảo đảm nguyên tắc an toàn thông tin, an ninh mạng là tiền đề thúc đẩy triển khai Chính phủ số nhanh hơn, bền vững hơn, phân công trách nhiệm rõ ràng, hiệp đồng chặt chẽ, chia sẻ thông tin kịp thời.

7. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

a) Xây dựng và triển khai kế hoạch giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch hàng năm phát triển Chính phủ số, Chính quyền số theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông để thực hiện Chiến lược và các nội dung quy định tại Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025; đồng bộ các nội dung kế hoạch với kế hoạch, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội

của bộ, ngành, địa phương mình.

b) Tổ chức triển khai các nhiệm vụ nêu tại Mục V, Điều 1 trên cơ sở nhu cầu, điều kiện thực tế và định hướng phát triển của bộ, ngành, địa phương mình.

c) Tổ chức triển khai các nhiệm vụ, giải pháp được phân công tại Phụ lục kèm theo.

d) Tái cấu trúc tổ chức, quy trình nghiệp vụ để có thể ứng dụng hiệu quả công nghệ số vào mọi hoạt động của cơ quan nhà nước, hướng tới số hóa toàn bộ cơ quan tổ chức.

đ) Bảo đảm kinh phí (chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên) để thực hiện các nhiệm vụ, dự án Chính phủ số.

e) Triển khai bảo đảm an toàn, an ninh mạng theo mô hình nhiều lớp, tuân thủ hướng dẫn của cơ quan chuyên trách về an toàn, an ninh mạng, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và quy định của pháp luật.

g) Kiện toàn đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin trở thành đơn vị chuyên trách về chuyển đổi số để tham mưu, thực thi, dẫn dắt chuyển đổi số trong ngành, lĩnh vực, địa phương.

h) Kiểm tra, đánh giá, báo cáo hàng năm và đột xuất tình hình thực hiện Chiến lược theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

8. Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam và các cơ quan truyền thông, báo chí có trách nhiệm: chủ trì, chủ động phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông và các bộ, ngành, địa phương xây dựng và phê duyệt kế hoạch tổ chức tuyên truyền, phổ biến sâu rộng trong các ngành, các cấp và Nhân dân về nội dung Chiến lược này, cũng như các câu chuyện thành công, bài học kinh nghiệm hay trong nước và quốc tế một cách thường xuyên, định kỳ hàng ngày, hàng tuần.

9. Bảo hiểm xã hội Việt Nam có trách nhiệm chủ động bố trí nguồn lực để hoàn thành việc xây dựng, đưa vào vận hành, khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia phục vụ công tác của ngành: bảo hiểm xã hội, y tế, lao động - thương binh và xã hội và các ngành liên quan bảo đảm sự đồng bộ với các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu quốc gia có liên quan, góp phần tạo cơ sở nền tảng phát triển Chính phủ số.

10. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh chỉ đạo hệ thống tổ chức đoàn cơ sở các cấp cử đầu mối tới tận cấp xã, tham gia mạng lưới hỗ trợ triển khai chuyển đổi số do Bộ Thông tin và Truyền thông điều phối; chủ động phát động các chiến dịch đoàn viên thanh niên tuyên truyền, phổ biến kỹ năng số, hỗ trợ, hướng dẫn người dân sử dụng các dịch vụ Chính phủ số.

11. Hội, hiệp hội nghề nghiệp chủ động, tích cực trong việc tham mưu, phản biện chính sách, pháp luật; phát động hội viên, doanh nghiệp chủ động làm chủ

công nghệ, cung cấp sản phẩm, dịch vụ có chất lượng; tham gia cùng Bộ Thông tin và Truyền thông trong việc tuyên truyền, phổ biến, khảo sát, đánh giá mức độ chuyển đổi số, phát triển Chính phủ số ở Việt Nam.

12. Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội, Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam, Tổng công ty Viễn thông MobiFone, Tổng công ty Bưu điện Việt Nam và các doanh nghiệp công nghệ đủ năng lực kỹ thuật, tài chính:

a) Cử đầu mối phụ trách phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông trong việc nghiên cứu, xây dựng, phản biện chính sách; chỉ đạo các đơn vị thành viên tại các địa phương cử đầu mối tham gia mạng lưới hỗ trợ triển khai chuyển đổi số do Bộ Thông tin và Truyền thông điều phối.

b) Ưu tiên bố trí nguồn lực để phát triển hạ tầng số, các nền tảng số, hệ thống quy mô quốc gia, dữ liệu số quốc gia, các ứng dụng, dịch vụ quy mô quốc gia, nghiên cứu, phát triển, làm chủ các công nghệ số cốt lõi phục vụ Chính phủ số.

c) Phát huy vai trò dẫn dắt trong triển khai các giải pháp phục vụ Chính phủ số, huy động, tập hợp các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong lĩnh vực công nghệ số, cùng tham gia phát triển hệ sinh thái sản phẩm và dịch vụ phục vụ phát triển Chính phủ số.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục;
- Lưu: VT, KSTT (2).XH

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc

Phụ lục
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM
THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CHÍNH PHỦ ĐIỆN TỬ
HƯỚNG TỚI CHÍNH PHỦ SỐ GIAI ĐOẠN 2021-2025,
ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-TTg ngày tháng năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Thời gian thực hiện
I	Hoàn thiện môi trường pháp lý		
1.	Nghiên cứu, đề xuất sửa đổi Luật Giao dịch điện tử và các văn bản hướng dẫn, trong đó có quy định về Chính phủ số	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2022
2.	Nghiên cứu, đề xuất môi trường pháp lý cho phép thử nghiệm, chấp nhận cái mới và chấp nhận thay đổi, hình thành không gian thí điểm dịch vụ số và cho phép thử nghiệm các dịch vụ số chưa được quy định bởi pháp luật	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2023
3.	Hoàn thiện, trình Chính phủ ban hành Nghị định về định danh, xác thực điện tử và hoàn thiện hành lang pháp lý để phổ cập danh tính số.	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021
4.	Bảo đảm môi trường pháp lý cho phép thí điểm dùng tài khoản viễn thông thanh toán cho các hàng hóa, dịch vụ có giá trị nhỏ (Mobile-Money) và đánh giá để sớm đưa vào hoạt động chính thức.	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021
5.	Nghiên cứu, đề xuất sửa đổi Luật Lưu trữ	Bộ Nội vụ	2021-2022
6.	Sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 43/2011/NĐ-CP của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2022
7.	Xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn, hướng dẫn kỹ thuật về Chính phủ số	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2025
8.	Duy trì, cập nhật Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam phù hợp với yêu cầu phát triển Chính phủ số	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2025

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Thời gian thực hiện
9.	Duy trì, cập nhật Kiến trúc Chính phủ điện tử cấp bộ, Kiến trúc Chính quyền điện tử cấp tỉnh phù hợp với Khung Kiến trúc quốc gia và yêu cầu phát triển chính quyền số	Bộ, ngành, địa phương	2021-2025
II	Phát triển hạ tầng số		
10.	Phát triển và vận hành hạ tầng mạng chuyên dùng ổn định, an toàn, thông suốt, kết nối 4 cấp hành chính từ Trung ương đến cấp xã trên cơ sở Mạng Truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước, mạng diện rộng của các bộ, ngành, địa phương, mạng Internet băng rộng để phục vụ Chính phủ số	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2025
11.	Xây dựng Nền tảng điện toán đám mây Chính phủ thống nhất trên cơ sở quy hoạch, kết nối đám mây của các cơ quan nhà nước tại các bộ, ngành, địa phương	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2025
III	Phát triển các nền tảng số và hệ thống quy mô quốc gia		
12.	Phát triển Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP)	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2023
13.	Phát triển Nền tảng trao đổi định danh và xác thực điện tử quốc gia (NIXA)	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2022
14.	Xây dựng Nền tảng định danh và xác thực trên thiết bị di động.	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2022
15.	Xây dựng Nền tảng phát triển kỹ năng số quốc gia	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2023
16.	Xây dựng nền tảng ứng dụng trên thiết bị di động cho mọi dịch vụ chính phủ điện tử, chính phủ số, tiện ích trong kinh tế số, xã hội số cho người dân và doanh nghiệp	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2023
17.	Xây dựng Hệ thống quản lý chất lượng đối với các nền tảng, sản phẩm, giải pháp phục vụ Chính phủ số	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2025
18.	Xây dựng Hệ thống giám sát, đo lường mức độ sử dụng dịch vụ Chính phủ số của các cơ quan nhà nước	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2025
19.	Xây dựng Hệ thống giám sát các nền tảng số phục vụ công tác quản lý nhà nước chuyên ngành	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2025

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Thời gian thực hiện
20.	Xây dựng Công công nghệ mở (GovTech) của Việt Nam	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2022
21.	Phát triển các nền tảng để cung cấp dịch vụ thiết yếu, cơ bản trên quy mô quốc gia, các nền tảng thương mại điện tử, giao nhận - kho vận phục vụ phát triển kinh tế số, góp phần thực hiện mục tiêu xóa nghèo, các nền tảng phục vụ chuyển đổi số trong từng ngành, lĩnh vực ưu tiên chuyển đổi số theo Chương trình Chuyển đổi số quốc gia	Các bộ, ngành	2021-2025
IV	Phát triển dữ liệu số quốc gia		
22.	Phát triển Cơ sở dữ liệu quốc gia về Dân cư	Bộ Công an	2021
23.	Phát triển Cơ sở dữ liệu Đất đai quốc gia	Bộ Tài nguyên và Môi trường	2021-2022
24.	Phát triển Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2021
25.	Phát triển dữ liệu về tài chính	Bộ Tài chính	2021-2022
26.	Phát triển dữ liệu về bảo hiểm	Bảo hiểm xã hội Việt Nam	2021-2022
27.	Phát triển dữ liệu về hộ tịch	Bộ Tư pháp	2021-2022
28.	Phát triển dữ liệu về y tế	Bộ Y tế	2021-2023
29.	Phát triển dữ liệu về nông nghiệp	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2021-2025
30.	Phát triển dữ liệu về cán bộ, công chức, viên chức	Bộ Nội vụ	2021-2023
31.	Phát triển dữ liệu về việc làm, an sinh xã hội	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	2021-2025
32.	Phát triển dữ liệu về giáo dục và đào tạo	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2021-2023
33.	Phát triển dữ liệu về phương tiện giao thông	Bộ Giao thông vận tải	2021-2023

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Thời gian thực hiện
V	Phát triển các ứng dụng, dịch vụ quốc gia		
34.	Phát triển, hoàn thiện Cổng Dịch vụ công quốc gia	Văn phòng Chính phủ	2021-2025
35.	Xây dựng Cổng dữ liệu quốc gia	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2025
36.	Phát triển Hệ tri thức Việt số hóa	Bộ Khoa học và Công nghệ	2021-2025
37.	Xây dựng Hệ thống họp trực tuyến, Hệ thống hỗ trợ làm việc từ xa trên môi trường số	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2023
38.	Phát triển Trục liên thông văn bản quốc gia	Văn phòng Chính phủ	2021-2025
39.	Phát triển, hoàn thiện Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ	Văn phòng Chính phủ	2021-2025
40.	Xây dựng Hệ thống thông tin Ngân sách và Kế toán nhà nước số	Bộ Tài chính	2021-2025
41.	Nâng cấp Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2021-2025
42.	Xây dựng Hệ thống thông tin quản lý Kiến trúc	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2025
43.	Phát triển ứng dụng, dịch vụ quy mô quốc gia để triển khai Chính phủ số và dẫn dắt chuyển đổi số trong từng ngành, lĩnh vực ưu tiên chuyển đổi số theo Chương trình Chuyển đổi số quốc gia	Bộ, ngành	2021-2025
VI	Bảo đảm an toàn, an ninh mạng quốc gia		
44.	Xây dựng Hệ thống hỗ trợ giám sát, điều hành an toàn mạng phục vụ Chính phủ điện tử	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2025
45.	Xây dựng hệ thống thao trường mạng phục vụ huấn luyện, diễn tập, sát hạch an toàn thông tin phục vụ Chính phủ điện tử	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2025
46.	Xây dựng hệ thống đánh giá, kiểm định an toàn thông tin	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2025
47.	Xây dựng hệ thống phân tích, xử lý dữ liệu lớn phục vụ nhiệm vụ bảo đảm an toàn thông tin mạng quốc gia	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2025

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Thời gian thực hiện
48.	Xây dựng hệ thống hỗ trợ điều phối, ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2025
VII	Tổ chức, bộ máy, mạng lưới		
49.	Kiến toàn tổ chức, bộ máy, thiết lập mạng lưới đơn vị chuyên trách và nhân sự hỗ trợ triển khai từ Trung ương đến địa phương để triển khai chính phủ số, chuyển đổi số	Bộ Thông tin và Truyền thông; Bộ Nội vụ; Bộ, ngành, địa phương	2021-2023
VIII	Tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số		
50.	Đưa nội dung phổ cập kỹ năng số và an toàn, an ninh mạng dựa trên các nền tảng mở, phần mềm nguồn mở vào chương trình giảng dạy từ cấp tiểu học	Bộ Thông tin và Truyền thông; Bộ Giáo dục và Đào tạo	2021-2023
51.	Rà soát, cập nhật khung năng lực, chuẩn kỹ năng công nghệ thông tin tích hợp kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức nhà nước. Đưa nội dung đào tạo về kỹ năng số vào chương trình đào tạo quản lý nhà nước ngạch chuyên viên, chuyên viên chính, chuyên viên cao cấp hoặc tương đương. Tổ chức đào tạo, sát hạch, thi tuyển, thi nâng ngạch trực tuyến đảm bảo minh bạch, chất lượng	Bộ Thông tin và Truyền thông; Bộ Nội vụ	2021-2025
52.	Bồi dưỡng, nâng cao nhận thức cho cán bộ lãnh đạo; cán bộ, công chức, viên chức cơ quan nhà nước các cấp về Chính phủ số, khung kiến trúc, kiến trúc chính phủ điện tử/chính phủ số và bảo đảm an toàn, an ninh mạng	Bộ, ngành, địa phương	2021-2025
53.	Tổ chức bồi dưỡng, huấn luyện đội ngũ chuyên gia về Chính phủ số	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2025
54.	Tổ chức bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng số, kỹ năng phân tích và xử lý dữ liệu cho cán bộ, công chức, viên chức hàng năm	Bộ Thông tin và Truyền thông; Bộ, ngành, địa phương	2021-2025
IX	Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức		
55.	Tổ chức tuyên truyền, phổ biến nội dung, chính sách pháp luật để nâng cao nhận thức cho người dân và toàn xã hội về	Bộ, ngành, địa phương	2021-2025

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Thời gian thực hiện
	Chính phủ điện tử, Chính phủ số, chuyển đổi số		
56.	Tổ chức phổ cập kỹ năng số cho người dân, hướng dẫn người dân sử dụng các dịch vụ số của cơ quan nhà nước thông qua các hoạt động xã hội hóa	Bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp	2021-2025
57.	Tổ chức tôn vinh dịch vụ công chất lượng nhất, dịch vụ công thu hút được sự tham gia rộng rãi nhất, cơ quan nhà nước vận hành tối ưu nhất, vấn đề phát triển kinh tế - xã hội đã giải quyết có kết quả đột phá nhất và cơ quan nhà nước phát triển chính phủ số tốt nhất	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2025
X	Hợp tác giữa cơ quan nhà nước và doanh nghiệp		
58.	Tạo điều kiện cho mọi loại hình doanh nghiệp công nghệ số nghiên cứu, đầu tư xây dựng các sản phẩm, dịch vụ phát triển Chính phủ số	Bộ Tài chính; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2025
59.	Điều phối, quy hoạch, thúc đẩy phát triển hiệu quả thị trường cung cấp sản phẩm, dịch vụ Chính phủ số của các doanh nghiệp chủ chốt.	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2025
60.	Phối hợp doanh nghiệp để cung cấp dịch vụ công thông qua mạng lưới bưu chính công ích và ứng dụng của doanh nghiệp	Bộ, ngành, địa phương; Doanh nghiệp	2021-2025
61.	Khai thác hiệu quả mạng lưới bưu chính công ích để hỗ trợ người dân tiếp cận các dịch vụ Chính phủ số, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa, các đối tượng yếu thế trong xã hội	Bộ Thông tin và Truyền thông; Doanh nghiệp	2021-2025
XI	Nghiên cứu, phát triển, làm chủ các công nghệ lõi		
62.	Thúc đẩy nghiên cứu, phát triển, ứng dụng nền tảng mở, mã nguồn mở phục vụ Chính phủ số	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2025
63.	Nghiên cứu, xây dựng và thí điểm sử dụng tiền ảo dựa trên công nghệ chuỗi khối (blockchain)	Ngân hàng nhà nước Việt Nam	2021-2023
64.	Xây dựng các chương trình nghiên cứu,	Bộ Khoa học và Công nghệ	2021-2025

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Thời gian thực hiện
	ứng dụng trí tuệ nhân tạo để tạo ra những sản phẩm, dịch vụ mang đặc thù Việt Nam, tạo lợi thế cạnh tranh, tạo nền tảng thúc đẩy Chuyển đổi số quốc gia		
65.	Mở các nền tảng quốc gia hướng tới tạo thành hệ sinh thái để các doanh nghiệp công nghệ số có thể tham gia phát triển các dịch vụ kinh tế số, xã hội số	Bộ, ngành	2021-2025
66.	Lựa chọn ưu tiên, đẩy mạnh phong trào nghiên cứu một số công nghệ cốt lõi mà Việt Nam có lợi thế, có thể đi tắt đón đầu cũng như có khả năng tạo bứt phá mạnh mẽ như trí tuệ nhân tạo (AI), chuỗi khối (blockchain) và thực tế ảo/thực tế tăng cường (VR/AR), dữ liệu lớn (Big Data) tạo điều kiện ứng dụng các công nghệ số tiên tiến trong triển khai Chính phủ số. Thực hiện cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các doanh nghiệp công nghệ số nghiên cứu, phát triển các ứng dụng công nghệ mới cho Chính phủ số	Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2025
67.	Khuyến khích phát triển các doanh nghiệp công nghệ số để làm chủ các công nghệ cốt lõi trong Chính phủ số	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2025
68.	Ban hành quy định về việc sử dụng sản phẩm, giải pháp đã được đánh giá, kiểm định trong triển khai Chính phủ số. Ưu tiên sử dụng các sản phẩm, giải pháp, công nghệ thiết kế, sản xuất bởi các tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam trong các hệ thống Chính phủ số	Bộ, ngành, địa phương	2021-2025
XII	Chuẩn hoá, tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ		
69.	Thực hiện gắn kết chặt chẽ giữa cải cách thủ tục hành chính với phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số	Bộ, ngành, địa phương	2021-2025
70.	Rà soát các thủ tục hành chính, quy trình nghiệp vụ trong các cơ quan nhà nước theo hướng đơn giản hoá hoặc thay đổi phù hợp để có thể ứng dụng hiệu quả công nghệ số	Bộ, ngành, địa phương	2021-2025

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Thời gian thực hiện
71.	Rà soát loại bỏ một số thủ tục hành chính, quy trình nghiệp vụ khi ứng dụng công nghệ số	Bộ, ngành, địa phương	2021-2025
XIII	Hợp tác quốc tế		
72.	Chủ động hợp tác quốc tế trong phát triển Chính phủ số; chủ động, tích cực tham gia các tổ chức quốc tế, các sáng kiến về Chính phủ số và phát triển công nghệ số, kinh tế số, trong đó sẵn sàng phát huy vai trò đi đầu trong những lĩnh vực có thế mạnh; tham gia chủ động, tích cực vào việc xây dựng các khuôn khổ pháp lý, tiêu chuẩn, nguyên tắc quốc tế mới về công nghệ số phù hợp với mục tiêu và lợi ích của Việt Nam	Bộ, ngành, địa phương	2021-2025
73.	Hỗ trợ một số nước trong phát triển Chính phủ số nhằm tăng cường mối quan hệ hợp tác quốc tế, đồng thời quảng bá, tạo thị trường cho các sản phẩm, dịch vụ Chính phủ số của các doanh nghiệp Việt Nam	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2025
XIV	Bảo đảm kinh phí		
74.	Ưu tiên sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và huy động các nguồn vốn khác theo quy định của pháp luật để phát triển Chính phủ số; tăng cường thực hiện giải pháp thuê dịch vụ công nghệ thông tin	Bộ, ngành, địa phương	2021-2025
75.	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng phương án bảo đảm kinh phí hàng năm tối thiểu 1% ngân sách nhà nước cho chuyển đổi số, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số; báo cáo, đề xuất Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thông qua	Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	2021-2025
76.	Ưu tiên bố trí đầu tư công để thực hiện các dự án phát triển hạ tầng, trung tâm dữ liệu, cơ sở dữ liệu quốc gia, nền tảng quốc gia, các ứng dụng, dịch vụ quốc gia	Bộ, ngành, địa phương	2021-2025

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Thời gian thực hiện
XV	Đo lường, giám sát, đánh giá triển khai		
77.	Thực hiện đo lường, giám sát tự động tới từng hệ thống, từng dịch vụ phục vụ Chính phủ số. Định kỳ hàng tháng, hàng năm công bố kết quả đánh giá, làm cơ sở để theo dõi, đôn đốc, xếp hạng về Chính phủ điện tử, Chính phủ số; công khai trực tuyến các chỉ số chính trong phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021-2025
78.	Giám sát, đánh giá, đo lường hiệu quả các dự án đầu tư được thực hiện dựa trên số liệu	Bộ, ngành, địa phương	2021-2025